

Bản án số: 120/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023

Vv: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Bà Lâm Thu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/5/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2022/TLST-DS ngày 16/12/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2023/QĐHPT-DS ngày 10 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Thanh C sinh năm 1979; địa chỉ: Lầu H, Tòa nhà A, D, C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị C1 sinh năm 1984; địa chỉ: Số C, Tổ E, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngân hàng TMCP Á cấp tín dụng cho bà Lê Thị C1 căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Lê Thị C1 ký ngày 30/3/2020; Bản các điều

khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A; Các văn bản khác của bà Lê Thị C1 ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Cụ thể như sau: Số thẻ tín dụng: 4365999000167274; Ngày cấp: 09/4/2020; Loại thẻ: Visa Signature (Thẻ tín dụng quốc tế); Hạn mức thẻ: 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 4/2023; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á.

Theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì “*Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. A có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ*”, cụ thể: Từ ngày 09/4/2020 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (22/3/2021): Lãi suất trong hạn 27%/năm. Lãi suất quá hạn: $150\% \times 27\%/năm = 40,5\%/năm$, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (22/3/2021) đến nay. Các khoản phí phát sinh gồm: phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu, phí in (cấp) PIN, phí SMS banking (thông báo qua tin nhắn), phí mất (thất lạc) thẻ (đính kèm Biểu lãi suất và phí).

Bà Lê Thị C1 đã sử dụng thẻ với tổng số tiền là 98.000.000 đồng (gồm: giao dịch thanh toán bằng thẻ 98.000.000 đồng); và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á số tiền (gốc, lãi, phí) tổng cộng 24.300.000 đồng, cụ thể: Kể từ ngày sử dụng thẻ đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (22/3/2021): Thanh toán 24.300.000 đồng. Thứ tự thanh toán số dư nợ được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn (22/3/2021) đến nay: bà Lê Thị C1 không thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á khoản tiền nào.

Tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á có quy định “*Ngày đến hạn thanh toán*” là ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ thứ tư liên tiếp (...) mà Chủ thẻ không thanh toán đủ hoặc không thanh toán” và “*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn (...). Sau khi chuyển nợ quá hạn, A có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của A để thu hồi nợ (bao gồm: số dư nợ, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác)*”. Bà Lê Thị C1 đã nhiều lần không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Á theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Vì vậy: Ngày 22/3/2021, Ngân hàng TMCP Á đã chuyển khoản nợ thẻ số 4365999000167274 sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Lê Thị C1. Ngày 20/6/2022, Ngân hàng TMCP Á ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 17/3/2023, bà Lê Thị C1 còn nợ Ngân hàng TMCP Á các khoản sau: Vốn gốc là 100.407.773 đồng; Lãi quá hạn là 80.773.240 đồng. Tổng cộng là 181.181.013 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP

Á yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc bà Lê Thị C1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP Á tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 31/5/2023 là 189.536.865 đồng, trong đó vốn gốc 100.407.773 đồng, lãi quá hạn 89.129.092 đồng. Bà Lê Thị C1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á, tính kể từ ngày 31/5/2023 đến ngày trả hết nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

Bị đơn bà Lê Thị C1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á khởi kiện bị đơn bà Lê Thị C1 về yêu cầu trả trả số tiền nợ phát sinh từ việc cấp thẻ tín dụng quốc tế để vay số tiền 100.000.000 đồng được ký kết giữa hai bên nên đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Lê Thị C1 cư trú tại địa chỉ: Số C, Tổ E, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lê Thị C1 các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị C1 phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/5/2023 là: 189.536.865 đồng, trong đó vốn gốc 100.407.773 đồng, lãi quá hạn 89.129.092 đồng:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng) ngày 30/3/2020 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Á và bà Lê Thị C1 cho thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 30/3/2020 Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Á đã cấp cho bà Lê Thị C1 một thẻ tín dụng: Số thẻ tín dụng: 4365999000167274; Ngày cấp: 09/4/2020; Loại thẻ: Visa Signature (Thẻ tín dụng quốc tế); Hạn mức thẻ: 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 4/2023; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Á. Bà Lê Thị C1 đã sử dụng thẻ với tổng số tiền là 98.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á số tiền (gốc, lãi, phí) tổng cộng 24.300.000 đồng. Sau đó, bà C1 không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Á theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 22/3/2021 Ngân hàng TMCP Á đã chuyển khoản nợ thẻ của bà Lê Thị C1 sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán.

Căn cứ Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của bà Lê Thị C1, tính đến ngày 31/5/2023 bà Lê Thị C1 còn nợ Ngân hàng TMCP Á tổng cộng số tiền là: 189.536.865 đồng, trong đó vốn gốc 100.407.773 đồng, lãi quá hạn 89.129.092 đồng.

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Lê Thị C1. Tuy nhiên bà Lê Thị C1 không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Lê Thị C1 đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Xét, theo quy định của pháp luật:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015 về nghĩa vụ trả tiền và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng....”

+ Xét, Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Lê Thị C1 với Ngân hàng TMCP Á “Tôi/chúng tôi đồng ý chấp nhận và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến việc đăng ký hạn mức sử dụng của thẻ phụ thấp hơn hạn mức sử dụng của thẻ chính trong suốt thời gian hiệu lực của thẻ cho đến khi tôi/chúng tôi thay đổi hạn mức sử dụng này”

+ Xét, Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á quy định: “Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng TMCP Á sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất do Ngân hàng TMCP Á quy định

phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và cập nhật trên Website của Ngân hàng TMCP Á”

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á buộc bị đơn bà Lê Thị C1 phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/5/2023 là: 189.536.865 đồng, trong đó vốn gốc 100.407.773 đồng, lãi quá hạn 89.129.092 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á yêu cầu bị đơn bà Lê Thị C1 phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn bà Lê Thị C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á yêu cầu bị đơn bà Lê Thị C1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/3/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á quy định: “Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng TMCP Á sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất do Ngân hàng TMCP Á quy định phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và cập nhật trên Website của Ngân hàng TMCP Á”

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4.] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, Điều 317, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị C1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á.

Buộc bà Lê Thị C1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền tổng cộng tính đến ngày 31/5/2023 là: 189.536.865 đồng, trong đó vốn gốc 100.407.773 đồng, lãi quá hạn 89.129.092 đồng.

Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 01/6/2023, bị đơn bà Lê Thị C1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng ngày 30/3/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng ngày 30/3/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị C1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 9.476.843 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP Á là 3.665.184 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0015260 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Lê Thị C1 được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Dương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thu).

Trần Thị Xuân Duyên